TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ- ST
Ngày 31/5/2024
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Huân
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 86A/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 22/02/1990, sau khi kết hôn ông bà về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân do trong sinh hoạt hàng ngày ông bà không hòa hợp về tính tình, kinh tế trong gia đình là bà T quản lý và không trao đổi với ông bất cứ việc gì. Ông bà đã ngồi với nhau dàn xếp chuyện vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông bà tiếp tục xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Sau đó ông đã đi làm ăn xa, khi nào gia đình có việc thì ông mới về. Những lần ông về như vậy thì ông và bà T cũng không trò chuyện gì với nhau, ông về giải quyết xong công việc ông lại tiếp tục đi làm ăn xa. Thời gian ở xa giữa ông và bà T cũng không liên lạc gì với nhau, ông chỉ liên lạc với các con khi có việc. Gia đình hai bên có biết việc vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn và có khuyên bảo ông bà quay về chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Ông và bà T đã nói chuyện với nhau về việc vợ chồng hết tình cảm thì thống nhất ly hôn và tài sản thì để lại cho con cái. Ông bà chính thức ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 đến nay.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, ông bà không thể tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị T.

- *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 18/12/1990 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/9/1995. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp:* Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Nếu không thỏa thuận được thì ông bà sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra ông Ngân không còn yêu cầu nào khác.

** Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn là bà Lê Thị T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Nguyễn Văn N kết hôn năm 1990 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn ông bà về ở với nhau ngay, mâu thuẫn bắt đầu từ khoảng tháng 01/2019, trước đó vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không còn quan tâm, yêu thương gia đình và đánh đập bà. Vợ chồng có dàn xếp về chung sống nhưng không có kết quả, gia đình bà có dàn xếp nhưng ông N không quay về. Nay ông N có yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 18/12/1990, Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/9/1995 Nguyễn Tân B, sinh ngày 10/5/2011. Hiện nay cháu B đã mất, cháu N và cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ:* Tài sản chung là do vợ chồng tự tạo dựng thành, sau khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà Lê Thị T không còn ý kiến nào khác.

- Ngày 22 tháng 4 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên các các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 14 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam mở phiên tòa, ông N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa ngày 31 tháng 5 năm 2024, ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn N được ly hôn bà Lê Thị T.

Về con chung: Ông N và bà T có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 18/12/1990 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/9/1995. Hiện nay hai con đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T có địa chỉ tại xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn N có đơn xin ly hôn với bà Lê Thị Toán nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang vào ngày 22/02/1990. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, vợ chồng có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2018. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông N trình bày là do ông bà không hòa hợp về tính tình, kinh tế trong gia đình là bà T quản lý và không trao đổi với ông bất cứ việc gì. Ông bà đã ngồi với nhau dàn xếp chuyện vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông bà tiếp tục xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Sau đó ông đã đi làm ăn xa, khi nào gia đình có việc thì ông mới về. Theo bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không còn quan tâm, yêu thương gia đình và đánh đập bà. Vợ chồng có dàn xếp về chung sống nhưng không có kết quả, gia đình bà có dàn xếp nhưng ông N không quay về.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, ông Đặng Duy M – trưởng thôn Đ, xã T cho biết: Ông N và bà T phát sinh mâu thuẫn là do ông N có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác từ nhiều năm nay. Nay ông N xin ly hôn bà T, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông N và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho ông N được ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Ông N và bà T có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1995. Hiện nay hai con đã trưởng thành và đã

có gia đình riêng, ông bà không có yêu cầu gì nên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Ông Ng và bà T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Lê Thị T.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0008134 ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã T, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Ngọc Oanh